TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **326**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2026
V/v: "Yêu cầu không công nhận vợ chồng
Tranh chấp con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi;

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1538/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc "Yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Đào Trâm A, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số 13/91, tổ 3, khu phố 5, phường Tam H, thành phố Đồng N (địa chỉ cũ: Số 13/91, tổ 3, khu phố 35, phường Tam H, thành phố Đồng N)

- Bị đơn: Ông Lê Nguyên Phong V, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số 33, tổ 18, khu phố 4, phường Long H, thành phố Đồng N (địa chỉ cũ: Số 33, tổ 18, khu phố 7, phường Long H, thành phố Đồng N)

(Bà Trâm A có đơn xin xét xử vắng mặt, ông V có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Vũ Đào Trâm A trình bày:

Về tình cảm: Bà và ông Vu có quan hệ tình cảm, sống chung như vợ chồng, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Vu.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Vu có 01 con chung tên Lê Vũ Anh N, sinh ngày 15/6/2024. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Nguyên Phong V trình bày:

Ông đồng ý với phần trình bày của bà Anh về quan hệ hôn nhân, ông và bà Trâm A quen biết, tìm hiểu, sống chung như vợ chồng, có tổ chức đám cưới với sự tham gia đầy đủ của hai bên gia đình, họ hàng và người thân nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Nguyên nhân không đăng ký kết hôn là do bà Trâm A và gia đình bà Trâm A đề xuất lý do là cha mẹ bà Trâm A đang làm hồ sơ bảo lãnh cho bà Trâm A đi định cư tại Hoa Kỳ, nếu đăng ký kết hôn tại Việt Nam sẽ phải hủy hồ sơ. Sau một thời gian chung sống, xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên ông đồng ý với yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà Trâm A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Vũ Anh N, sinh ngày 15/6/2024. Ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chun, không yêu cầu bà Trâm A cấp dưỡng nuôi con. Về nguyên nhân, điều kiện chăm sóc con thì ông nhận thấy ông đủ điều kiện. Cụ thể là hiện nay ông đang là Cán bộ công tác tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Tây Ninh. Ông có công việc, thu nhập ổn định, được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước và có điều kiện về kinh tế bảo đảm để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành.

Với tính chất công việc làm theo giờ hành chính cùng sự hỗ trợ của gia đình, ông có đủ thời gian và điều kiện để quan tâm, chăm sóc trong quá trình học tập, sinh hoạt và phát triển của con chung.

Trong quá trình công tác và sinh sống, ông luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có nhân thân tốt, không vi phạm pháp luật, không có tiền án, tiền sự, không có hành vi bạo lực gia đình hay các tệ nạn xã hội. Ông nhận thức rõ trách nhiệm của người cha trong việc chăm sóc, giáo dục con và luôn mong muốn tạo cho con một môi trường sống ổn định, lành mạnh, bảo đảm sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và nhân cách.

Từ ngày 15/6/2025, là thời điểm ông và bà Trâm A không còn chung sống với nhau, việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của ông đối với con chung liên tục bị bà Trâm A cản trở. Cụ thể, bà Trâm Anh và gia đình bên ngoại thường xuyên ngăn cản việc ông thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Khi ông đến đón con,

phía gia đình bà Trâm A không cho ông trực tiếp đón con mà yêu cầu bắt buộc phải có bà nội của cháu đi cùng thì mới cho đón. Điều này gây khó khăn, hạn chế quyền làm cha của ông và không phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Bên cạnh đó, trong những lần cháu bị ốm đau hoặc có vấn đề về sức khỏe, ông hoàn toàn không được bà Trâm A hoặc gia đình bên ngoại thông báo. Hơn nữa, chính việc cháu đang ốm lại được sử dụng làm lý do để từ chối cho ông gặp, chăm sóc và thăm nom con.

Cũng kể từ ngày 15/6/2025 đến nay, bà Trâm A chưa từng chủ động gọi điện thoại hoặc tạo điều kiện để ông được gặp, nói chuyện với con, dù trong thời điểm cháu khỏe mạnh hay đau ốm. Điều này thể hiện việc bà Trâm A không có thiện chí phối hợp để bảo đảm quyền được gặp gỡ cha của con cũng như quyền thăm nom của ông theo quy định của pháp luật.

Ông được biết bà Trâm A hiện đang có hồ sơ bảo lãnh định cư tại Hoa Kỳ và dự kiến khoảng 05 năm nữa có thể được giải quyết. Ông nhận thấy đây là yếu tố cần được Tòa án xem xét khi quyết định người trực tiếp nuôi con, nên giao con cho ông trực tiếp chăm sóc. Vì trong trường hợp sau này cháu được bà Trâm A đưa sang Hoa Kỳ sinh sống thì khoảng cách địa lý sẽ khiến việc ông thực hiện quyền làm cha, quyền chăm sóc, giáo dục, gặp gỡ con gặp rất nhiều khó khăn. Trong khi đó, với thực tế hiện nay, bà Trâm A đã không tạo điều kiện để ông được gặp và liên lạc với con ngay cả khi đang sinh sống trong cùng một địa phương, nên ông có cơ sở lo ngại rằng nếu cháu sinh sống ở nước ngoài thì quyền làm cha của ông sẽ tiếp tục bị hạn chế nghiêm trọng. Sau này, nếu sau một thời gian dài sinh sống ở nước ngoài, cháu quay trở về Việt Nam để sống cùng ông thì việc phải thay đổi toàn bộ môi trường sống, ngôn ngữ, học tập, văn hóa và các mối quan hệ xã hội sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phát triển, tâm lý và sự ổn định của cháu.

Từ tất cả những lý do trên, ông cho rằng mẹ cháu và gia đình bên ngoại chưa thực sự tôn trọng quyền, nghĩa vụ của người cha đối với con theo quy định của pháp luật; đồng thời việc để bà Trâm A trực tiếp nuôi con trong hoàn cảnh hiện nay tiềm ẩn nhiều yếu tố có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cháu cũng như quyền làm cha của ông.

Vì vậy, ông kính đề nghị Tòa án xem xét giao con chung cho ông là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông cam kết nếu được Tòa án giao trực tiếp nuôi con sẽ thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của cha mẹ theo quy định pháp luật; tạo điều kiện để bà Trâm A được thực hiện đầy đủ quyền thăm nom, chăm sóc con và tuyệt đối không cản trở quyền của mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Ông không yêu cầu bà Trâm A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Vũ Đào Trâm A và ông Lê Nguyên Phong V là vợ chồng; Về con chung: Giao con chung tên Lê Vũ Anh N, sinh ngày 15/6/2024 cho bà Trâm A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và nợ chung: Không có; Về án phí: Bà Trâm A phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp con chung" quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Nguyên Phong V hiện cư trú tại phường Long H, thành phố Đồng N nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Đào Trâm A và ông Lê Nguyên Phong V chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu tháng 01/2024 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý". Vì vậy, quan hệ giữa bà Vũ Đào Trâm A và ông Lê Nguyên Phong V không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình sau một thời gian chung sống thì bà Trâm A và ông V phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự cảm thông, chia sẻ. Đến nay cả hai đã không còn sống chung. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 14; Điều 53; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 35 ngày 09/6/2000

của Quốc hội, Nghị quyết 02 ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thông tư liên tịch số 01 ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Vũ Đào Trâm A và ông Lê Nguyên Phong V là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Trâm A và ông V có 01 con chung tên Lê Vũ Anh N, sinh ngày 15/6/2024. Ly hôn, bà Trâm A và ông V đều đề nghị được trực tiếp chăm sóc con chung. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Lê Vũ Anh N, sinh ngày 15/6/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm cháu N chưa được 36 tháng tuổi, tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trâm A và ông V không thống nhất được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy, nhằm bảo đảm sự phát triển ổn định và quyền lợi về mọi mặt của con chung xét thấy cần giao con chung cho bà Trâm A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà Trâm A không yêu cầu nên ông V tạm thời chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Trâm A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết 02 ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thông tư liên tịch số 01 ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Đào Trâm A:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Vũ Đào Trâm A và ông Lê Nguyên Phong V là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Vũ Anh N, sinh ngày 15/6/2024 cho bà Trâm A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Vũ Đào Trâm A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Trâm A đã nộp tại biên lai thu tiền số 0013878 ngày 10/6/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai. Bà Trâm A đã nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND thành phố Đồng Nai;
-VKSND khu vực 1- Đồng Nai;
-THADSTP.Đồng Nai;
-Các đương sự;
- Lưu (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ toạ phiên tòa

Trần Thị Thúy